

Hạ Long, ngày 31 tháng 03 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
Mã chứng khoán : RIC  
Địa chỉ : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  
Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728  
Website : <http://vn.royalhalonghotel.com>

2. Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 và năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2022 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC kiểm toán năm 2021;
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 và năm 2020.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**Lin Yi Huang**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI  
SANG ĐỒNG VIỆT NAM  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM	10 - 29

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị:

Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Nguyễn Chính Chi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Ông Nguyễn Khởi Phát	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Bà Đào Ngọc Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Ngô Thu Mật	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Điền Dục Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Bà Lý Tiên Lệ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Ngọc Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

##### Ban Giám đốc:

Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021)
Ông Nguyễn Thắng Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2022)
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2022)
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Công Nghĩa Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy ủy quyền số 270/GUQ  
ngày 10 tháng 12 năm 2021

*Ngày 28 tháng 3 năm 2022*

Số: 0995 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 102.537.258.488 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 81.540.368.560 VND), và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 141.891.694.640 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 58.161.456.600 VND). Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 về báo cáo tài chính đó với ý kiến chấp nhận toàn phần có nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Trần Xuân Ánh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0723-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2022  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2018-001

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.342.016.080</b>	<b>60.073.265.460</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>9.238.093.520</b>	<b>32.220.856.980</b>
1. Tiền	111		9.238.093.520	32.220.856.980
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.465.005.440</b>	<b>11.743.659.720</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.348.097.520	2.104.586.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.710.075.920	3.986.551.530
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.354.020.400	5.652.521.550
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(5.947.188.400)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>7.482.180.400</b>	<b>14.525.131.530</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.482.180.400	14.525.131.530
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>156.736.720</b>	<b>1.583.617.230</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		156.736.720	1.583.617.230
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>824.074.944.800</b>	<b>880.958.512.980</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>699.337.827.200</b>	<b>756.146.842.620</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	699.088.198.560	754.411.221.330
- Nguyên giá	222		1.207.801.980.160	1.240.542.386.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(508.713.781.600)	(486.131.165.520)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	249.628.640	1.735.621.290
- Nguyên giá	228		101.799.877.040	103.463.567.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101.550.248.400)	(101.727.946.320)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>100.401.902.320</b>	<b>102.042.746.130</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	100.401.902.320	102.042.746.130
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.495.465.040</b>	<b>9.650.647.110</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.495.465.040	9.650.647.110
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.839.750.240</b>	<b>13.118.277.120</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.576.242.080	2.775.880.380
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	13.263.508.160	10.342.396.740
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>849.416.960.880</b>	<b>941.031.778.440</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

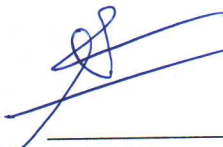


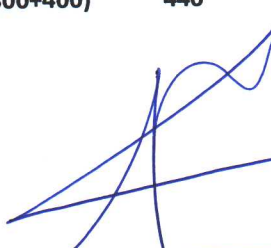
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>167.233.710.720</b>	<b>144.593.436.390</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>167.233.710.720</b>	<b>118.234.722.060</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.922.792.560	6.992.209.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		378.789.840	604.748.820
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.030.748.880	6.645.955.290
4. Phải trả người lao động	314		3.712.620.400	6.786.086.190
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	528.779.840	2.489.543.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	75.048.815.280	49.118.319.510
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	82.611.163.920	45.597.858.540
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>26.358.714.330</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	-	26.358.714.330
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>682.183.250.160</b>	<b>796.438.342.050</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>682.183.250.160</b>	<b>796.438.342.050</b>
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		298.297.434.143	310.015.267.545
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(412.371.022.592)	(309.833.764.104)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(309.833.764.104)	(228.293.395.544)
- (Lỗ) năm nay	421b		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>849.416.960.880</b>	<b>941.031.778.440</b>

  
 Mai Thị Dung  
 Người lập biểu

  
 Cao Thị Huyền  
 Kế toán trưởng

  
 Công Nghĩa Nam  
 Phó Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	74.899.743.163	125.525.910.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		74.899.743.163	125.525.910.720
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	121.441.980.289	151.596.878.580
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(46.542.237.126)	(26.070.967.860)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.279.879.056	3.730.466.040
7. Chi phí tài chính	22	26	6.403.761.784	8.072.880.200
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	4.213.675.620	5.854.936.500
8. Chi phí bán hàng	25	27	11.174.638.454	13.323.233.280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	40.585.265.917	35.950.981.780
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(102.426.024.225)	(79.687.597.080)
11. Thu nhập khác	31		566.720.378	261.598.820
12. Chi phí khác	32		677.954.641	2.114.370.300
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(111.234.263)	(1.852.771.480)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(1.457)	(1.159)

  
**Mai Thị Dung**  
 Người lập biểu

  
**Cao Thị Huyền**  
 Kế toán trưởng

  
**Công Nghĩa Nam**  
 Phó Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(102.537.258.488)</b>	<b>(81.540.368.560)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	44.623.840.821	51.578.056.880
Các khoản dự phòng	03	6.011.020.855	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.901.371.353)	1.095.025.680
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.082.095)	19.779.480
Chi phí lãi vay	06	4.213.675.620	5.854.936.500
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(49.612.174.640)</b>	<b>(22.992.570.020)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.855.912.815)	16.765.798.000
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.303.069.518	(3.879.981.140)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	(5.794.273.079)	36.063.275.920
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.583.856.828	(774.181.940)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.148.135.791)	(3.295.714.940)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(58.523.569.979)</b>	<b>21.886.625.880</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.476.659.956)	(8.269.996.980)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	986.531.896	397.249.580
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.490.128.060)</b>	<b>(7.872.747.400)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	138.516.657.048	111.934.532.220
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.364.998.181)	(128.581.115.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>38.151.658.867</b>	<b>(16.646.583.380)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(22.862.039.172)</b>	<b>(2.632.704.900)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>32.220.856.980</b>	<b>35.478.264.010</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	156.268.007	(521.093.440)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	(276.992.295)	(103.608.690)
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61+62)</b>	<b>70</b>	<b>9.238.093.520</b>	<b>32.220.856.980</b>





**Mai Thị Dung**  
 Người lập biểu

**Cao Thị Huyền**  
 Kế toán trưởng


**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2021, vốn đầu tư của Công ty là 1.171.473.560.000 VND tương đương 67.000.000 USD và vốn điều lệ là 703.687.540.000 VND tương đương 42.309.869,89 USD.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt (thành lập tại Quần đảo British Virgin).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 640 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 829 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Sự kiện trọng yếu trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam**

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam**

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn);
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Khả năng hoạt động liên tục**

Từ tháng 4 năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 102.537.258.488 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 81.540.368.560 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 412.371.022.592 VND (31 tháng 12 năm 2020: 309.833.764.104 VND) và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 141.891.694.640 VND (31

tháng 12 năm 2020: 58.161.456.600 VND). Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh và các khoản đi vay, trong khi diễn biến của dịch COVID-19 là khó dự đoán và các khoản tiền vay phụ thuộc vào việc tiếp tục được cấp tín dụng từ các ngân hàng thương mại.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các phương án ứng phó với đại dịch COVID-19 đang ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cơ sở sau:

- Công ty sẽ hoàn trả các khoản vay khi đến hạn, theo dõi và quản lý các yêu cầu của các tổ chức tín dụng đặt ra để duy trì hạn mức tín dụng đã được cấp. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể được gia hạn hạn mức tín dụng đã được cấp hoặc được cấp các hạn mức tín dụng mới từ các ngân hàng.
- Công ty đã nhận được cam kết hỗ trợ tài chính từ Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân ("Lam Xuân") - đối tác cho vay. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng Công ty có thể nhận được sự hỗ trợ tài chính từ Lam Xuân bất kỳ khi nào Công ty có nhu cầu.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc dự đoán ngành du lịch nói chung cũng như hoạt động kinh doanh của khách sạn và câu lạc bộ của Công ty sẽ phục hồi đáng kể trong vòng 12 tháng tới do Việt Nam đã khôi phục lại các chuyến bay quốc tế kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2022. Bên cạnh đó, thông qua việc thực hiện các biện pháp khác nhau như tiết kiệm chi phí hoạt động, triển khai các hoạt động tiếp thị nhằm thu hút nhiều khách du lịch và khách hàng trong nước và quốc tế, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ dòng tiền để trang trải hoạt động kinh doanh.

Các điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Trong trường hợp giả định hoạt động liên tục không phù hợp, báo cáo tài chính có thể có một số điều chỉnh cần thiết.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cược và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

### Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 01 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 06 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các mặt hàng tồn kho được xác định theo các phương pháp sau:

<b>Loại hàng tồn kho</b>	<b>Phương pháp tính giá</b>
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy trò chơi điện tử, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip tiền mặt trong hộp drop box (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi.
- Doanh thu máy trò chơi bằng tổng số tiền khách nạp vào máy để chơi trừ đi tổng số tiền trả cho khách tại quầy thu ngân.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác USD được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác USD tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	8.137.246.160	15.463.157.190
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.100.847.360	16.757.699.790
	<b>9.238.093.520</b>	<b>32.220.856.980</b>

**5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.495.465.040	-	9.650.647.110	-
	<b>9.495.465.040</b>	<b>-</b>	<b>9.650.647.110</b>	<b>-</b>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Khách đoàn Long Bay	6.002.837.520	55.649.120	1.213.202.250	1.213.202.250
Đại lý Hằng Thăng	300.930.880	300.930.880	750.310.080	750.310.080
Các khoản phải thu khách hàng khác	44.329.120	44.329.120	141.074.310	141.074.310
	<b>6.348.097.520</b>	<b>400.909.120</b>	<b>2.104.586.640</b>	<b>2.104.586.640</b>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)</b>	<b>(5.947.188.400)</b>			-

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	1.552.787.040	1.663.599.990
Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	1.243.391.370
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	931.703.920	946.930.530
Khác	225.584.960	132.629.640
	<b><u>2.710.075.920</u></b>	<b><u>3.986.551.530</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối năm	5.301.722.000	5.201.410.500
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	-	422.210.490
Khác	52.298.400	28.900.560
	<b><u>5.354.020.400</u></b>	<b><u>5.652.521.550</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.687.566.720	-	10.689.387.540	-
Hàng hóa	2.794.613.680	-	3.835.743.990	-
	<b><u>7.482.180.400</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>14.525.131.530</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)**

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản cố định khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>												
Số dư đầu năm	890.564.336.610	275.253.144.270	20.639.072.610	19.524.721.320	34.561.112.040	1.240.542.386.850	458.849.916				458.849.916	
Mua mới	-	-	-	-	-							
Thanh lý	-	(6.354.883.696)	(6.537.604.451)	(496.194.972)	-	(13.388.683.119)						
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(14.320.243.570)	(4.358.576.974)	(262.451.199)	(308.687.628)	(560.614.116)	(19.810.573.487)						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>876.244.093.040</b>	<b>264.539.683.600</b>	<b>13.839.016.960</b>	<b>18.719.838.720</b>	<b>34.459.347.840</b>	<b>1.207.801.980.160</b>						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
Số dư đầu năm	203.127.493.920	214.501.590.030	15.344.264.520	19.023.793.620	34.134.023.430	486.131.165.520						
Khấu hao trong năm	20.772.340.729	19.975.486.020	1.784.004.446	427.912.100	190.363.677	43.150.106.972						
Thanh lý trong năm	-	(5.968.922.800)	(5.898.230.548)	(487.778.800)	-	(12.354.932.148)						
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(3.486.869.449)	(3.661.302.530)	(203.045.298)	(310.446.040)	(550.895.427)	(8.212.558.744)						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>220.412.965.200</b>	<b>224.846.850.720</b>	<b>11.026.993.120</b>	<b>18.653.480.880</b>	<b>33.773.491.680</b>	<b>508.713.781.600</b>						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Số dư đầu năm	687.436.842.690	60.751.554.240	5.294.808.090	500.927.700	427.088.610	754.411.221.330						
Số dư cuối năm	655.831.127.840	39.692.832.880	2.812.023.840	66.357.840	685.856.160	699.088.198.560						

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 640.077.129.120 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 747.401.431.920 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản tạm thời ngừng hoạt động để sửa chữa với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.862.760.080 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.339.533.340 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 142.417.282.240 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 97.889.165.010 VND).



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	101.112.106.680	2.351.460.930	103.463.567.610
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(1.625.879.160)	(37.811.410)	(1.663.690.570)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>99.486.227.520</b>	<b>2.313.649.520</b>	<b>101.799.877.040</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	99.744.093.150	1.983.853.170	101.727.946.320
Khấu hao trong năm	1.360.462.999	113.270.850	1.473.733.849
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(1.618.328.629)	(33.103.140)	(1.651.431.769)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>99.486.227.520</b>	<b>2.064.020.880</b>	<b>101.550.248.400</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.368.013.530</b>	<b>367.607.760</b>	<b>1.735.621.290</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>249.628.640</b>	<b>249.628.640</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 101.447.191.120 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.731.249.390 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>102.042.746.130</b>	<b>92.665.530.490</b>
Tăng trong năm	-	9.935.424.520
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(1.640.843.810)	(558.208.880)
<b>Số cuối năm</b>	<b>100.401.902.320</b>	<b>102.042.746.130</b>

Chi tiết số dư:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	37.990.780.320	38.611.654.380
+ Mua sắm tài sản cố định	5.321.758.400	5.408.730.600
+ Sửa chữa lớn biệt thự	26.741.552.960	27.178.583.640
+ Các dự án mới	5.927.468.960	6.024.340.140
- Nhà đa năng (*)	62.411.122.000	63.431.091.750
	<b>100.401.902.320</b>	<b>102.042.746.130</b>

(\*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 30), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

**13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư điện, nước	1.716.700.640	415.987.360	1.454.876.280	422.785.740
Vật tư xây dựng	13.219.654.480	1.256.859.600	10.587.706.350	1.277.400.150
	<b>14.936.355.120</b>	<b>1.672.846.960</b>	<b>12.042.582.630</b>	<b>1.700.185.890</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp Tư nhân Khá Thuý	191.624.960	191.624.960	281.525.969	281.525.969
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Gia Huy Quảng Ninh	-	-	1.199.971.500	1.199.971.500
Công ty TNHH Dự Thành	-	-	890.210.880	890.210.880
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	-	-	705.302.520	705.302.520
Phải trả cho các đối tượng khác	1.731.167.600	1.731.167.600	3.915.198.901	3.915.198.901
	<b>1.922.792.560</b>	<b>1.922.792.560</b>	<b>6.992.209.770</b>	<b>6.992.209.770</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.523.192.970	6.894.350.421	7.836.077.403	(14.492.468)	566.973.520
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.978.857.780	14.188.421.086	17.234.834.876	(47.709.270)	1.884.734.720
Thuế thu nhập cá nhân	143.904.540	2.072.993.853	1.630.848.527	(7.009.226)	579.040.640
Thuế khác	-	30.937.816	30.937.816	-	-
	<b>6.645.955.290</b>	<b>23.186.703.176</b>	<b>26.732.698.622</b>	<b>(69.210.964)</b>	<b>3.030.748.880</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay	358.798.720	2.317.314.090
Khác	169.981.120	172.229.850
	<b>528.779.840</b>	<b>2.489.543.940</b>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	851.920.560	972.609.690
+ Đại lý Thư Lượng	241.523.520	244.504.260
+ Đại lý Hằng Thăng	462.286.160	468.000.390
+ Khác	148.110.880	260.105.040
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.196.894.720	48.145.709.820
+ Đại lý Long Bay (*)	64.642.339.280	43.126.331.430
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.612.288.720	1.018.146.480
+ Bảo hành xây dựng	2.325.377.040	2.303.853.240
+ Chip trôi nổi	1.118.597.120	585.512.460
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	-	149.426.940
+ Khác	1.498.292.560	962.439.270
	<b>75.048.815.280</b>	<b>49.118.319.510</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	26.358.714.330
+ Đại lý Long Bay	-	26.358.714.330
	-	<b>26.358.714.330</b>

(\*) Phải trả ngắn hạn khác từ Đại lý Long Bay bao gồm 15.114.509.280 VND tiền chip ký gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15.340.444.860 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	36.264.634.380	36.264.634.380	107.834.123.796	72.793.637.609	70.349.883.280	70.349.883.280
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	9.333.224.160	9.333.224.160	22.710.874.074	27.571.360.572	4.374.274.400	4.374.274.400
Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (iii)	-	-	7.971.659.178	-	7.887.006.240	7.887.006.240
	<b>45.597.858.540</b>	<b>45.597.858.540</b>	<b>138.516.657.048</b>	<b>100.364.998.181</b>	<b>82.611.163.920</b>	<b>82.611.163.920</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 05 tháng 8 năm 2021 với hạn mức tín dụng 75,5 tỷ VND tương đương 3,33 triệu USD (tỷ giá 22.640 VND/USD). Hạn mức tín dụng này đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngày 30 tháng 7 năm 2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 18 tháng 8 năm 2020. Thời hạn cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án "Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí" cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 442 ngàn USD (tỷ giá 22.640 VND/USD) và có hiệu lực 1 năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa của từng kế ước nhận nợ là 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Câu lạc bộ và khách sạn 5 sao.

(iii) Khoản vay Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân bằng VND theo hợp đồng vay ký ngày 06 tháng 10 năm 2021 và hợp đồng vay ký ngày 28 tháng 12 năm 2021. Mục đích của khoản vay là để chi trả các khoản nợ và bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn của khoản vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán một lần vào ngày kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		(Lỗ) lũy kế		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(228.293.395.544)	312.534.882.805	880.498.325.870	(81.540.368.560)					
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(81.540.368.560)	-	(81.540.368.560)						
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	(2.519.615.260)						
Số dư cuối năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(309.833.764.104)	310.015.267.545	796.438.342.050						
Số dư đầu năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(309.833.764.104)	310.015.267.545	796.438.342.050						
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(102.537.258.488)	-	(102.537.258.488)						
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(11.717.833.402)	(11.717.833.402)						
Số dư cuối năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(412.371.022.592)	298.297.434.143	682.183.250.160						

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.



**Vốn đầu tư và vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi		Vốn đã góp		Số đầu năm		Số cuối năm	
	'000 VND	'000 VND	USD quy đổi	%	'000 VND	%	'000 VND	%
Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	369.386.320	369.386.320	22.219.546	52,49	-	-	369.386.320	52,49
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiếp Bà Ngô Thu Mật	-	-	-	-	22.619.800	3,21	22.619.800	3,21
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	18.880.920	1.149.924	2,68	18.880.920	2,68	18.880.920	2,68
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	17.709.550	1.069.089	2,52	17.709.550	2,52	17.709.550	2,52
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	275.090.950	16.496.324	39,10	275.090.950	39,10	275.090.950	39,10
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>100</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100</b>	<b>42.309.870</b>	<b>100</b>

**20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

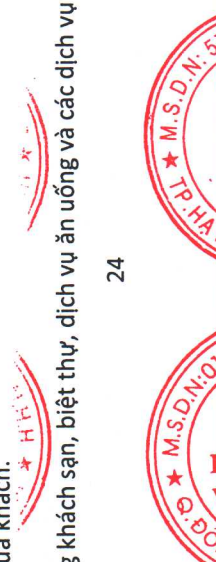
**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	3.167.366.472	4.826.234.560
CNY	38.404	83.486

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Công ty bao gồm 02 bộ phận kinh doanh là Cầu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Cầu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.
- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Năm nay	Câu lạc bộ		Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	40.080.901.714	34.818.841.449	-	74.899.743.163		
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	11.848.542.804	33.639.039.735	-	45.487.582.539		
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(61.858.057.856)</b>	<b>(40.567.966.369)</b>	-	<b>(102.426.024.225)</b>		
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	83.911.961	1.160.374.047	-	1.244.286.008		
5. Tài sản bộ phận	146.921.895.120	647.069.493.120	(399.352.936.960)	394.638.451.280		
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	454.778.509.600		
<b>Tổng tài sản</b>	<b>146.921.895.120</b>	<b>647.069.493.120</b>	<b>(399.352.936.960)</b>	<b>849.416.960.880</b>		
7. Nợ phải trả bộ phận	474.017.392.960	1.266.640.080	(399.352.936.960)	75.931.096.080		
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	91.302.614.640		
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>474.017.392.960</b>	<b>1.266.640.080</b>	<b>(399.352.936.960)</b>	<b>167.233.710.720</b>		
<b>Năm trước</b>						
	Câu lạc bộ		Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	70.228.469.920	55.297.440.800	-	125.525.910.720		
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	14.896.426.720	37.960.422.640	-	52.856.849.360		
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(53.754.641.360)</b>	<b>(25.932.955.720)</b>	-	<b>(79.687.597.080)</b>		
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	1.803.960.990	12.564.725.550	-	14.368.686.540		
5. Tài sản bộ phận	172.467.083.100	702.172.170.570	(313.987.004.760)	560.652.248.910		
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	380.379.529.530		
<b>Tổng tài sản</b>	<b>172.467.083.100</b>	<b>702.172.170.570</b>	<b>(313.987.004.760)</b>	<b>941.031.778.440</b>		
7. Nợ phải trả bộ phận	442.494.495.300	4.715.416.290	(313.987.004.760)	133.222.906.830		
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.370.529.560		
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>442.494.495.300</b>	<b>4.715.416.290</b>	<b>(313.987.004.760)</b>	<b>144.593.436.390</b>		



**22. DOANH THU HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu phòng nghỉ	20.789.388.564	36.111.204.920
Doanh thu chip	37.238.695.816	65.305.249.800
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	13.860.461.930	17.857.503.720
Doanh thu xèng	2.842.205.898	4.923.196.740
Doanh thu dịch vụ khác	168.990.955	1.328.755.540
	<b>74.899.743.163</b>	<b>125.525.910.720</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	5.759.628.217	7.757.039.780
Chi phí nhân công	54.473.416.277	72.831.926.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.591.738.889	49.408.907.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	18.617.196.906	21.599.005.120
	<b>121.441.980.289</b>	<b>151.596.878.580</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	5.759.628.217	7.757.039.780
Chi phí nhân công	88.257.465.583	106.006.089.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.623.840.821	51.578.056.880
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	6.011.020.855	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	28.549.929.184	35.529.907.980
	<b>173.201.884.660</b>	<b>200.871.093.640</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.585.779	4.395.440
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.143.051.616	1.782.444.440
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.134.241.661	1.943.626.160
	<b>2.279.879.056</b>	<b>3.730.466.040</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.213.675.620	5.854.936.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.190.086.164	2.217.943.700
	<b>6.403.761.784</b>	<b>8.072.880.200</b>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	9.433.905.761	10.963.185.940
Chi phí dụng cụ sản xuất	187.205.823	344.621.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.071.908.369	1.097.129.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.044.992	92.234.100
Các chi phí khác	421.573.509	826.062.160
	<b>11.174.638.454</b>	<b>13.323.233.280</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	24.350.143.545	22.210.976.620
Chi phí dụng cụ sản xuất	301.231.812	389.557.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	960.193.563	1.072.019.760
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	6.011.020.855	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.384.451.449	7.545.591.060
Các chi phí khác	4.578.224.693	4.732.836.780
	<b>40.585.265.917</b>	<b>35.950.981.780</b>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>(102.537.258.488)</b>	<b>(81.540.368.560)</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	<i>(661.682.588)</i>	<i>(661.682.588)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>6.561.540.069</i>	<i>1.418.394.460</i>
<i>Cộng: Chênh lệch giá trị chip trôi nổi cuối năm và đầu năm</i>	<i>383.358.899</i>	<i>(138.900.580)</i>
<b>Lỗ tính thuế năm hiện hành</b>	<b>(96.254.042.108)</b>	<b>(80.922.557.268)</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

29. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(1.457)</b>	<b>(1.159)</b>

**30. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

***Cam kết đầu tư***

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị đã đầu tư là 62.411.122.000 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 2.666.267.520 VND.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

***Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định***

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.447.012.960 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.662.978.720 VND).

***Cam kết trả tiền thuê đất***

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP do Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 13 tháng 8 năm 1994 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh sau đó và Hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Đơn giá tiền thuê được xác định trên cơ sở đơn giá tại thời điểm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

**31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Như trình bày tại Thuyết minh số 30, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Trong quá trình đo đạc, khảo sát ranh giới diện tích đất thực tế để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với đất, cơ quan chức năng đã xác định diện tích đất của Công ty bị cấp thiếu hụt 2.622,4 m<sup>2</sup> so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Công ty đã có các công văn trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án cấp bù đất để đầu tư kinh doanh do diện tích bị thu hẹp. Theo đó Công ty đề nghị được kéo dài thời gian miễn nộp tiền thuê đất thêm 12 tháng tương ứng diện tích 2.622,4 m<sup>2</sup> đất còn thiếu khi góp vốn trong thời hạn của dự án.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Phiếu chuyển số 3100/UBND-QLĐĐ3 đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh ("Sở TNMT") để Sở TNMT chủ trì cùng các đơn vị có liên quan kiểm tra cùng các Công văn đốc thúc sau đó. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản trả lời từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Sở TNMT. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến tiền thuê đất trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

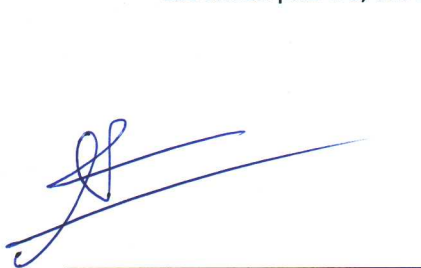
Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

Tổng thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

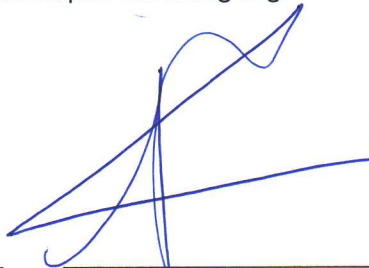
	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)	73.715.840	-
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)	1.484.236.485	889.037.160
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	336.694.000	244.020.000
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc	1.078.637.475	723.121.490
Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021)	46.569.000	-
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng	332.141.000	241.971.000
		<b><u>3.351.993.800</u></b>	<b><u>2.098.149.650</u></b>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 2.567.217.520 VND (năm 2020: 6.190.564.380 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 2.584.174.880 VND (năm 2020: 2.711.843.550 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



**Mai Thị Dung**  
Người lập biểu



**Cao Thị Huyền**  
Kế toán trưởng



**Công Nghĩa Nam**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước**

**Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng Gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 & 2020 và phương hướng khắc phục như sau:

**I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập 2021 so với năm 2020**

DVT: VND

TT	Diễn giải	Năm 2021	Năm 2020	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, (giảm) %
<b>I</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>74,899,743,163</b>	<b>125,525,910,720</b>	<b>(50,626,167,557)</b>	<b>(40.33)</b>
<b>II</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>2,279,879,056</b>	<b>3,730,466,040</b>	<b>(1,450,586,984)</b>	<b>(38.88)</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí</b>				
1	Chi phí hoạt động tài chính	6,403,761,784	8,072,880,200	(1,669,118,416)	(20.68)
2	Giá vốn hàng bán	121,441,980,289	151,596,878,580	(30,154,898,291)	(19.89)
3	Chi phí bán hàng	11,174,638,454	13,323,233,280	(2,148,594,826)	(16.13)
4	Chi phí quản lý	40,585,265,917	35,950,981,780	4,634,284,137	12.89
	<b>Cộng chi phí (1-4)</b>	<b>179,605,646,444</b>	<b>208,943,973,840</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>566,720,378</b>	<b>261,598,820</b>	<b>305,121,558</b>	<b>116.64</b>
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>677,954,641</b>	<b>2,114,370,300</b>	<b>(1,436,415,659)</b>	<b>(67.94)</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(102,537,258,488)</b>	<b>(81,540,368,560)</b>	<b>(20,996,889,928)</b>	

Năm 2021 lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp công ty giảm 20.996.889.928

VND so với năm 2020, nguyên nhân chủ yếu như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm:

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến hết sức phức tạp trên toàn thế giới, đặc biệt bùng phát tại khu vực Châu Á, bắt đầu từ tháng 4/2021 dịch bệnh đã xuất hiện nhiều chủng mới lây lan nhanh trên diện rộng ở hầu hết các tỉnh thành phố trên cả nước, hầu như tất cả các tỉnh thành đều phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT - TTg, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều ngành nghề, trong đó ảnh hưởng nặng nề nhất là ngành Du lịch - dịch vụ, các nhà hàng, khách sạn doanh thu sụt giảm nghiêm trọng; Tuy Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng vẫn không tránh khỏi doanh thu lợi nhuận sụt giảm.



2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm:

Nguyên nhân chủ yếu là do lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ giảm.

3. Giá vốn hàng bán năm 2021 giảm so với năm 2020:

Nguyên nhân: Do đại dịch Covid – 19 ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nên Công ty phải cắt giảm nhân lực đồng thời cho nhân viên nghỉ giãn công, mặt khác doanh thu mặt hàng ăn, uống năm 2021 cũng giảm mạnh so với năm 2020 nên giá vốn giảm.

4. Chi phí bán hàng giảm:

Nguyên nhân: Do đại dịch nên Công ty phải cắt giảm nhân lực đồng thời cho nhân viên nghỉ giãn công.

5. Chi phí quản lý tăng do trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

6. Thu nhập khác tăng là do tạm hạch toán khoản phải trả các hộ kinh doanh vào thu nhập khác.

7. Chi phí khác giảm là do các khoản quyên góp ủng hộ và chi khác giảm.

Do doanh thu sụt giảm nghiêm trọng nên mặc dù một số chỉ tiêu chi phí giảm vẫn không đủ bù đắp số giảm doanh thu dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 lỗ so với năm 2020 là 20.996.889.928 VND .

## II. Phương hướng khắc phục.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành đang tìm mọi biện pháp đẩy mạnh doanh thu, giảm chi phí.

Ngày 15/3/2022 là thời điểm Việt Nam mở cửa lại hoàn toàn với hoạt động du lịch, đánh dấu giai đoạn hồi sinh của du lịch Việt Nam sau hơn hai năm “ngủ đông”. Chính sách nhất quán và điều kiện mở cửa sẽ giúp du lịch phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Năm 2022 tỉnh Quảng Ninh tiếp tục khởi công nhiều dự án giao thông trọng điểm, liên kết, kết nối vùng, để trở thành tỉnh đa cực, đa trung tâm, phát triển đồng bộ và toàn diện nhất nước về đường bộ, đường thủy và đường hàng không.

Dự án cao tốc Vân Đồn – Móng Cái dài 80km đang bước vào giai đoạn nước rút để hoàn thành dự án vào ngày 30/4/2022.

Với những điều kiện thuận lợi trong trạng thái bình thường mới, cơ hội mới kể trên Công ty tin tưởng rằng lượng khách hàng trong năm 2022 sẽ tăng so với năm 2021, Công ty đã chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Công ty tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến du lịch để quảng bá hình ảnh Công ty với du khách trong và ngoài nước, từ ngày 31/03/2022-03/04/2022 Công ty tham gia sự kiện tuần lễ hội chợ du lịch quốc tế VN để quảng bá hình ảnh của Công ty đến các khách hàng trong và ngoài nước.

Công ty tin tưởng rằng kết quả kinh doanh năm 2022 sẽ đạt được kết quả như mong muốn.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng Gia, kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và các nhà đầu tư được biết.



Trân trọng cảm ơn!

Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng Gia  
Phó Tổng Giám Đốc



Công Nghĩa Nam

